TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh C sinh năm 1988. Địa chỉ: Số nhà 269, tổ 10, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 4, khóm 5, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh C trình bày: Tôi và ông Huỳnh Đ tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang ngày 15/8/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu S, khóm 5, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống do ông Đ không lo cho gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên năm 2018 tôi về nhà cha mẹ ruột ở xã Đ, huyện C sinh sống cho đến nay,

không còn liên lạc. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Đ; về con chung: Huỳnh B, sinh ngày 30/6/2014. Hiện tại do ông Đ đang nuôi dưỡng, tôi đồng ý để ông Đ tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, tôi không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Huỳnh Đ có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 8 năm 2022.

Ông và bà C tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang ngày 15/8/2017. Trong quá trình chung sống do không hợp nhau nên hai bên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà C yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Huỳnh B, sinh ngày 30/6/2014. Hiện tại do ông đang nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung; về nợ chung: không có.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông Đ có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh C đối với ông Huỳnh Đ. Về con chung: Huỳnh B, sinh ngày 30/6/2014 do ông Đ nuôi dưỡng và cháu B cũng có nguyện sống với cha, nên cần tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ông Đ không yêu cầu, nên không xem xét. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Đ có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 04, khóm 5, thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Đ qua tìm hiểu, quen biết nhau và gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang vào 15/8/2017 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa bà C xác định cả hai đã ly thân từ năm 2018 đến nay không liên lạc do quá trình sống chung ông Đ và bà C không có sự tin tưởng với nhau trong quan hệ vợ chồng, luôn xảy ra mâu thuẫn, là phù hợp với kết quả xác minh ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Văn phòng khóm xác định *"...bà C và ông Đ khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau còn nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ....."*. Đồng thời ông Đ cũng có nguyện vọng được ly hôn với bà C. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông Đ không đến cũng chứng minh rằng ông Đ không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh C đối với ông Huỳnh Đ.

[4] Về con chung: Huỳnh B, sinh ngày 30/6/2014. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu B đều do ông Đ nuôi dưỡng, cháu Bảo cũng có nguyện sống với cha. Đồng thời bà C cũng không có nguyện vọng được nuôi cháu B, nên cần giao con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh C đối với ông Huỳnh Đ. Bà Huỳnh C được ly hôn với ông Huỳnh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh B, sinh ngày 30/6/2014 cho Huỳnh Đ nuôi dưỡng. Bà Huỳnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Huỳnh C thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008452 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà C đã nộp đủ án phí. Ông Huỳnh Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Thúy Liễu